

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XANH VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XANH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREEN TECHNOLOGY DEVELOPMENT VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GREEN TECHNOLOGY VIET NAM CO ., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108464007

3. Ngày thành lập: 09/10/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 14, ngách 259/27, ngõ 259 đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0976224586

Fax:

Email: Xdptcongnghexanh@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; - Thiết kế kết cấu công trình; - Thiết kế điện – cơ điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước; - Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; - Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; - Thiết kế phòng cháy - chữa cháy. - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ; - Lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Lập và thẩm tra các dự án đầu tư xây dựng công trình; - Tư vấn, lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu (không bao gồm lựa chọn nhà thầu và xác định giá gói thầu); - Tư vấn thẩm tra thiết kế các công trình; - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy ; - Đo đạc và vẽ bản đồ địa hình và địa chính; - Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình;	7110
2.	Chăn nuôi gia cầm	0146
3.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161

4.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
5.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
6.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
7.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
8.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
9.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
10.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
11.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
12.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
13.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
14.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
15.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
16.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
17.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
18.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
19.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
20.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
21.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
22.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
23.	Xây dựng nhà ở	4101
24.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
25.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
26.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
27.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
28.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc; - Phòng chống mối cho công trình xây dựng;	4390(Chính)
29.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
30.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
31.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
32.	Tái chế phế liệu	3830
33.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
34.	Xây dựng công trình điện	4221
35.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
36.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
37.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
38.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

39.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;	4649
40.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
41.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
42.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
43.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
44.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
45.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
46.	Phá dỡ	4311
47.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
48.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu;	4659
49.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
50.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;	4663
51.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782

52.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
53.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
54.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt Chi tiết: - Hoạt động của các nhà ga đường sắt; - Hoạt động quản lý, điều độ mạng đường sắt; - Bể ghi đường sắt, trạm chắn tàu;	5221
56.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
57.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
58.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299
60.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
61.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
62.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
63.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
64.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
65.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
66.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
67.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
68.	Trồng cây hàng năm khác	0119
69.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
70.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
71.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
72.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
73.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
74.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
75.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
76.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
77.	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: - Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; - Thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường;	3811

